

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9- 2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Kha

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hòa
2. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hòa- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 10/2021/TLST- HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung, trả nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh Tr – sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có bà Phan Thị Bích Xuân– Văn phòng luật sư Phan Thị Bích Xuân, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Số 899 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B – sinh năm 1984. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị N. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2020; đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Nguyễn Văn B có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, anh Nguyễn Văn B thường xuyên kiếm chuyện để đánh đập chị và đỉnh điểm vào ngày 17/11/2020 anh B đánh chị đến chấn thương đầu phải đi điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh. Vì chị Nguyễn Thị Thanh Tr nhận thấy không còn tình cảm gì với anh B nữa nên yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung gồm: Nguyễn Phúc Ng - sinh ngày 24/7/2011 và Nguyễn Phúc N1- sinh ngày 26/10/2014, hiện nay các cháu đang sống với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr cho rằng anh Nguyễn Văn B thường xuyên không có ở nhà, không có thời gian để chăm sóc con và từ khi vợ chồng mâu thuẫn chị Tr là người chăm sóc các con. Vì vậy khi ly hôn chị Tr yêu cầu nuôi cả 02 người con chung và yêu cầu anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 1.500.000đồng cho mỗi cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thanh Tr yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên vào ngày 20/4/2021 và tại phiên họp công khai chứng cứ, chị Tr có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr khai có nợ Ngân hàng cổ phần ngoại thương A – Chi nhánh thị xã Đức Phổ số tiền 300.000.000 đồng; nợ vợ chồng ông Trần Thế V 46.060.000 đồng; nợ vợ chồng anh Vũ Hoàng V2 62.848.00 đồng; nợ Ngân hàng B– Phòng giao dịch thị xã Đức Phổ số tiền 50.000.000đồng; nợ cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N số tiền 40.000.000đồng. Tuy nhiên hiện nay vợ chồng đã thỏa thuận trả nợ xong và những người này không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết về nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Thanh Tr kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã Đức Phổ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Tuy nhiên chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ và không muốn con thiếu thốn tình cảm của cha mẹ.

Về con chung: anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Thanh Tr có 02 con là cháu Nguyễn Phúc Ng - sinh ngày 24/7/2011 và Nguyễn Phúc N1- sinh ngày 26/10/2014, hiện nay con chung đang ở với với vợ chồng. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh Nguyễn Văn B yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021 thì anh B khai: Vợ chồng anh có một ngôi nhà cấp 4 làm trên thửa đất 2056, tờ bản đồ số 26 ở thôn P, xã N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Vì hiện nay anh không muốn ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp vợ chồng không thể hàn gắn được thì anh sẽ có văn bản yêu cầu giải quyết tài sản chung. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án có thông báo cho anh B về yêu cầu chia tài sản nhưng anh Nguyễn Văn B không có ý kiến phản hồi cho Tòa án.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh B khai có nợ Ngân hàng cổ phần ngoại thương A – Chi nhánh thị xã Đức Phổ số tiền 300.000.000đồng; nợ vợ chồng ông Trần Thế V 46.050.000đồng; nợ vợ chồng anh Vũ Hoàng V2 62.848.000đồng; nợ Ngân hàng B– Phòng giao dịch thị xã Đức Phổ số tiền 50.000.000đồng; nợ cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N số tiền 40.000.000đồng tuy nhiên hiện nay vợ chồng đã thỏa thuận trả nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông, bà là cha mẹ ruột của anh Nguyễn Văn B. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh B, chị Tr nợ ông bà 40.000.000đồng và tiền bán cây keo chung 90.000.000đồng. Tuy nhiên số tiền bán cây hiện nay chưa tính toán được nên ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N sẽ làm đơn yêu cầu vợ chồng anh B, chị Tr trả nợ. Thời hạn làm đơn gửi cho Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày 17/3/2021 nhưng hết thời hạn trên ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N không có đơn yêu cầu gửi cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Đề nghị giao các con chung cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn rút yêu cầu, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn B ở thôn P, xã N, thị xã Đức Phổ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[1.2] Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần A; phòng giao dịch Ngân hàng B thị xã Đức Phổ; vợ chồng anh Vũ Hoàng V2; vợ chồng anh Trần Thế V. Trong quá trình làm việc vợ chồng anh Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thanh Tr đã thỏa thuận trả nợ xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, vợ chồng anh Vũ Hoàng V2, vợ chồng anh Trần Thế V và Ngân hàng TMCP A, vợ chồng anh Vũ Hoàng V2, vợ chồng anh Trần Thế V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Phòng giao dịch ngân hàng B thị xã Đức Phổ vì chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng chưa yêu cầu vợ chồng anh B, chị Tr trả nợ. Vì vậy Tòa án không đưa Ngân hàng thương mại cổ phần A, phòng giao dịch Ngân hàng B thị xã Đức Phổ; vợ chồng anh Vũ Hoàng V2; vợ chồng anh Trần Thế V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Văn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã Đức Phổ. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh B là hoàn toàn hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị Tr và anh B đều trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Tr cho rằng anh B sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ đó đánh đập chị phải đi bệnh viện điều trị. Anh Nguyễn Văn B cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Như vậy có căn cứ xác định trong cuộc sống vợ chồng anh B, chị Tr xảy ra mâu thuẫn là có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh B không đồng ý ly hôn với chị Tr vì cho rằng còn yêu thương vợ nhưng Tòa án đã triệu tập anh B để tiến hành hòa giải với mong muốn anh B và chị Tr hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi con chung nhưng bản thân anh B không đến Tòa. Mặc khác qua xác minh tại Hội phụ nữ xã N cho biết thì vợ chồng chị Tr, anh B thường xuyên mâu thuẫn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh B đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Tr. Cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Nguyễn Văn B có 02 con là cháu Nguyễn Phúc Ng - sinh ngày 24/7/2011 và Nguyễn Phúc N1- sinh ngày 26/10/2014. Xét yêu cầu nuôi con chung thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay chị Nguyễn Thị Thanh Tr làm nghề tóc tại nhà có thu nhập ổn định, có thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc con; anh Nguyễn Văn B thường xuyên vắng nhà. Vì vậy chị Tr có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đồng thời cả hai cháu Ng và cháu N1 có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu cũng như tôn trọng nguyện vọng của các cháu nên cần giao các cháu Nguyễn Phúc Ng, Nguyễn Phúc N1 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mức cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét mức cấp dưỡng thì thấy rằng theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh Nguyễn Văn B làm nghề kinh doanh bảo hiểm, có thu nhập hàng tháng, hơn nữa hiện nay cháu Ng đang bị thương tật ở chân, đi lại khó khăn. Hội đồng xét xử căn cứ vào khả năng thực tế của anh B và nhu cầu thiết yếu của các cháu. Vì vậy việc chị Tr yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr yêu cầu chia tài sản chung nhưng đến ngày 20/4/2021 chị Nguyễn Thị Thanh Tr có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, bị đơn anh Nguyễn Văn B không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Vì vậy căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu giải quyết nợ chung. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền nghĩa vụ liên quan mà anh B, chị Tr có nợ tiền làm nhà như Ngân hàng thương mại cổ phần A, vợ chồng anh Vũ Hoàng V2, vợ chồng Trần Thế V trình bày vợ chồng anh B đã trả nợ xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Phòng giao dịch Ngân hàng B thị xã Đức Phổ, vì chưa đến hạn trả nợ gốc nên Ngân hàng chưa yêu cầu vợ chồng anh

B trả nợ; vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N chưa yêu cầu vợ chồng anh B, chị Tr trả nợ. Như vậy những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.500.000đồng và chi phí đo đạc là 3.500.000đồng.

[3] Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thanh Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004773 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng cho con. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 10.000.000đồng chị Tr đã nộp tại biên lai số số AA/2018/0004773 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn B

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Phúc Ng - sinh ngày 24/7/2011, Nguyễn Phúc N1- sinh ngày 26/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 20/9/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3. Về tài sản chung:** Đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia tài sản chung

Hậu quả của việc đình chỉ: Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật

**4. Về nợ chung:** Các chủ nợ không yêu cầu giải quyết

**5. Về chi phí tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Thanh Tr phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đồng và chi phí đo đạc là 3.500.000đồng. Chị Tr đã nộp và chi xong.

**6. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thanh Tr chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004773 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Anh Nguyễn Văn B chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng cho con. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 10.000.000 đồng đã nộp tại biên lai số số AA/2018/0004773 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

**7. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi



hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Minh Kha**